

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC CƠ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 148/NQ-HĐND

Đức Cơ, ngày 20 tháng 9 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Xem xét, cho ý kiến về Kế hoạch đầu tư công sử dụng vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và năm 2022

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC CƠ KHOÁ VII
KỲ HỌP THỨ BẢY (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 27/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 20/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 của HĐND tỉnh quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 466/QĐ-UBND ngày 19/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021- 2025 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 19/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước năm 2022 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia;

Sau khi xem xét Tờ trình số 154/TTr-UBND, ngày 09/9/2022 của Ủy ban nhân dân huyện về việc xin ý kiến về Kế hoạch đầu tư công sử dụng vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; Báo cáo kết quả thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất với Kế hoạch đầu tư công sử dụng vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 của huyện, như sau:

1. Vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025: 77.657,0 triệu đồng.
2. Vốn đầu tư công năm 2022: 17.061,0 triệu đồng. Trong đó:
 - Kế hoạch năm 2021 chuyển sang: 6.676,0 triệu đồng.
 - Kế hoạch năm 2022: 10.385,0 triệu đồng.
3. Danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án, từng xã có các biểu chi tiết kèm theo.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân huyện triển khai thực hiện nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban Hội đồng nhân dân huyện, Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện theo dõi, giám sát việc thực hiện nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện khoá VII, Kỳ họp thứ Bảy thông qua ngày 20 tháng 9 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua. /.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Tài chính;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND, UBND huyện;
- Ủy ban MTTQVN huyện;
- Các vị đại biểu HĐND huyện;
- Các phòng, ban, đơn vị thuộc huyện;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Lưu VT-VP.



CHỦ TỊCH

Phạm Văn Cường

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2021-2025
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
 (Kèm theo Nghị quyết số 148/NQ-HĐND, ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện)



Đơn vị tính: Triệu đồng

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung/địa bàn	Tổng vốn đầu tư giai đoạn 2021- 2025	Trong đó			Ghi chú
			Ngân sách Trung ương	Chia theo năm		
				Năm 2021 chuyển sang năm 2022	Giai đoạn 2022- 2025	
1	2	3	4 = (5)+(6)	5	6	7
	TỔNG CỘNG	77.657,0	77.657,0	6.676,0	70.981,0	
	Xã đạt chuẩn nông thôn mới	6.861,0	6.861,0	1.182,0	5.679,0	
1	Xã Ia Dom	2.287,0	2.287,0	394,0	1.893,0	
2	Xã Ia Krêl	2.287,0	2.287,0	394,0	1.893,0	
3	Xã Ia Nan	2.287,0	2.287,0	394,0	1.893,0	
	Xã đạt 15-18 tiêu chí	9.286,0	9.286,0	768,0	8.518,0	
4	Xã Ia Kla	9.286,0	9.286,0	768,0	8.518,0	
	Xã đạt dưới 15 tiêu chí	59.148,0	59.148,0	2.364,0	56.784,0	
5	Xã Ia Kriêng	14.787,0	14.787,0	591,0	14.196,0	
6	Xã Ia Din	14.787,0	14.787,0	591,0	14.196,0	
7	Xã Ia Dok	14.787,0	14.787,0	591,0	14.196,0	
8	Xã Ia Pnôn	14.787,0	14.787,0	591,0	14.196,0	
	Xã đặc biệt khó khăn	2.362,0	2.362,0	2.362,0	0,0	
9	Xã Ia Lang	2.362,0	2.362,0	2.362,0		

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2022
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

(Kèm theo Nghị quyết số 148/NQ-HĐND, ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung/địa bàn	Tổng vốn đầu tư giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch năm 2022	Trong đó			Ghi chú
				Ngân sách Trung ương	Chia theo năm		
					Năm 2021 chuyển sang năm 2022	Năm 2022	
1	2	3	4	5 = (6)+(7)	6	7	8
	TỔNG CỘNG	77.657,0	17.061,0	17.061,0	6.676,0	10.385,0	
	Xã đạt chuẩn nông thôn mới	6.861,0	2.013,0	2.013,0	1.182,0	831,0	
1	Xã Ia Dom	2.287,0	671,0	671,0	394,0	277,0	
2	Xã Ia Krêl	2.287,0	671,0	671,0	394,0	277,0	
3	Xã Ia Nan	2.287,0	671,0	671,0	394,0	277,0	
	Xã đạt 15-18 tiêu chí	9.286,0	2.014,0	2.014,0	768,0	1.246,0	
4	Xã Ia Kla	9.286,0	2.014,0	2.014,0	768,0	1.246,0	
	Xã đạt dưới 15 tiêu chí	59.148,0	10.672,0	10.672,0	2.364,0	8.308,0	
5	Xã Ia Kriêng	14.787,0	2.668,0	2.668,0	591,0	2.077,0	
6	Xã Ia Dìn	14.787,0	2.668,0	2.668,0	591,0	2.077,0	
7	Xã Ia Dok	14.787,0	2.668,0	2.668,0	591,0	2.077,0	
8	Xã Ia Pnôn	14.787,0	2.668,0	2.668,0	591,0	2.077,0	
	Xã đặc biệt khó khăn	2.362,0	2.362,0	2.362,0	2.362,0	0,0	
9	Xã Ia Lang	2.362,0	2.362,0	2.362,0	2.362,0		

**CHI TIẾT DANH MỤC CÁC DỰ ÁN THUỘC NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2022**

(Kèm theo Nghị quyết số 148/NQ-HĐND, ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện).

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công hoàn thành	Quy mô, năng lực thiết kế dự kiến	Kế hoạch vốn năm 2021 và 2022				Ghi chú
					Tổng số	NSTW	NSĐP	Vốn huy động	
	TỔNG CỘNG				17.935	17.061	0	874	
I	Xã Ia Dom				746	671		75	
1	Sửa chữa đường giao thông tuyến 3, tuyến 5 thôn Mook Đen	Thôn Mook Đen xã Ia Dom	Năm 2022	Sửa chữa nền, mặt đường, thoát nước, L= 1.194 m	546	491		55	
2	Nhà Văn hóa xã	xã Ia Dom	Năm 2022	Cải tạo, sửa chữa nhà Văn hóa xã	200	180		20	
II	Xã Ia Krêl				722	671	0	51	
1	Sửa chữa, nâng cấp đường từ Quốc lộ 19 đi vào làng Ngo Le	Làng Ngo Le, xã Ia Krêl	Năm 2022	Sửa chữa nền, mặt đường, thoát nước, L=1.000,0m	323	300		23	
2	Sửa chữa, nâng cấp Nhà sinh hoạt cộng đồng làng Khóp, làng Ngo Rông	Làng Khóp, Ngo Rông xã Ia Krêl	Năm 2022	Sân bê tông, hàng rào, giếng nước, nhà vệ sinh, mái hiên	399	371		28	
III	Xã Ia Nan				688	671	0	17	
1	Sửa chữa đường giao thông tổ 7 thôn Đức Hưng	Thôn Đức Hưng, xã Ia Nan	Năm 2022	Sửa chữa nền, mặt đường, mương thoát nước, L=120m	167	150		17	
2	Trường Tiểu học Kpă Klong	Làng Nủ, xã Ia Nan	Năm 2022	Sân bê tông và các hạng mục phụ	521	521			
IV	Xã Ia Kila				2.167	2.014	0	153	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công hoàn thành	Quy mô, năng lực thiết kế dự kiến	Kế hoạch vốn năm 2021 và 2022				Ghi chú
					Tổng số	NSTW	NSDP	Vốn huy động	
1	Đường giao thông nội thôn Chư Bô 1	Thôn Chư Bô 1	Năm 2022	Chiều dài, L= 663,0m, Bn=5,0; Bm=3,0m, BTXM đá 2x4 dày 16cm; hệ thống thoát nước	751	698		53	
2	Xây dựng hệ thống mương, cống thoát nước đường nội đồng thôn Ia Tang, Làng Sung Kép và làng Sung Le Tung	Ia Tang, Sung Kép và Sung Le Tung	Năm 2022	Mương dọc và cống thoát nước	851	791		60	
3	Sân thể thao xã, sân bê tông làng Sung Le Kát, Sung Le Tung, Sung Kép	Làng Sung Kép, Làng Sung Le Tung, Làng Sung Le Kát	Năm 2022	Sân bóng đá, S= 4.800m ² , cải tạo mặt sân, cống, hàng rào, khán đài; Sân bóng chuyền, sân bê tông, S= 663,87m ²	565	525		40	
V	Xã Ia Kriêng				2.733	2.668	0	65	
1	Đường giao thông nội đồng làng Nuk	Làng Nuk, xã Ia Kriêng	Năm 2022	Chiều dài, L= 715,0m, Bn=5,0; Bm=3,0m, BTXM đá 2x4 dày 16cm; hệ thống thoát nước	1.008	968		40	
2	Đường giao thông nội đồng làng Áp	Làng Áp, xã Ia Kriêng	Năm 2022	Chiều dài, L= 550,0m, Bn=5,0; Bm=3,0m, BTXM đá 2x4 dày 16cm; hệ thống thoát nước	625	600		25	
3	Trường Mầm non Bình Minh	Làng Áp, xã Ia Kriêng	Năm 2022	Xây 01 phòng học bộ môn và thiết bị	1.100	1.100			
VI	Xã Ia Din				2.829	2.668	0	161	
1	Mương thoát nước thôn Đoàn Kết và thôn Đồng Tâm 1	thôn Đoàn Kết, Đồng Tâm 1	Năm 2022	Mương xây bằng đá hộc, cống D=100, L=300m;	870	809		61	
2	Đường giao thông từ nhà Dân Nữ đến Lê Thời	Thôn Thống Nhất	Năm 2022	L= 210,0 m, Bn=5,0m; Bm=3,0m Mặt đường BTXM đá 2x4 mác 250 dày 16cm; hệ thống thoát nước	435	405		30	
3	Mương thoát nước thôn Thống nhất	Thôn Thống Nhất	Năm 2022	Chiều dài, L=750m; hệ thống thoát nước, gia cố mái taluy	994	924		70	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công hoàn thành	Quy mô, năng lực thiết kế dự kiến	Kế hoạch vốn năm 2021 và 2022				Ghi chú
					Tổng số	NSTW	NSDP	Vốn huy động	
4	Trường Mầm non Tuổi Thơ	Thôn Thống Nhất	Năm 2022	Khuôn viên, cổng, hàng rào và các hạng mục phụ	530	530			
VII	Xã Ia Dok				2.869	2.668	0	201	
1	Đường giao thông làng Pong (từ nhà Rơ Mah Vong đến cạnh vườn ông Rơ Mah Duing)	Làng Pong	Năm 2022	L= 809,0 m, Bn=4,5m; Bm=3,0m Mặt đường BTXM đá 2x4 mác 250 dày 16cm; hệ thống thoát nước	1.075	1.000		75	
2	Đường giao thông thôn Ia Mang (từ nhà ông Nguyễn Văn Phước đến nhà bà Khương Thị Hiền)	Thôn Ia Mang	Năm 2022	L= 227,0 m, Bn=4,0m; Bm=3,0m Mặt đường BTXM đá 2x4 mác 250 dày 16cm; hệ thống thoát nước	292	272		20	
3	Đường giao thông thôn Đoàn Kết (từ nhà Nguyễn Xuân Thắng đến nhà ông Đinh Xuân Thái rẽ nhánh Lê Xuân An)	Thôn Đoàn Kết	Năm 2022	L= 425,0 m, Bn=4,0m; Bm=3,0m Mặt đường BTXM đá 2x4 mác 250 dày 16cm; hệ thống thoát nước	572	532		40	
4	Đường giao thông thôn Păng Tul thôn Đoàn Kết (từ nhà ông Bùi Văn Tô đến nhà ông Vi Văn Sửu rẽ nhánh Hoàng Danh Long)	thôn Păng Tul, Đoàn Kết	Năm 2022	L= 396,0 m, Bn=4,0m; Bm=3,0m Mặt đường BTXM đá 2x4 mác 250 dày 16cm; hệ thống thoát nước	622	578		44	
5	Đường giao thông làng Dok Ngol (Đoạn từ đường liên huyện đến nhà bà Hlin)	Dok Ngol, xã Ia Dok	Năm 2022	L= 188,63 m, Bn=4,0m; Bm=3,0m Mặt đường BTXM đá 2x4 mác 250 dày 16cm; hệ thống thoát nước	308	286		22	
VIII	Xã Ia Pnôn				2.779	2.668	0	111	
1	Đường tuyến 2 làng Chan (đoạn nhà ông Rơ Chăm Khin)	Làng Chan, xã Ia Pnôn	Năm 2022	L= 267,5 m, Bn=4,0m; Bm=3,0m Mặt đường BTXM đá 2x4 mác 250 dày 16cm; hệ thống thoát nước	1.326	1.273		53	
2	Sửa chữa đường giao thông làng Chan (đoạn từ Nhà thờ đến nhà bà Bùi Thị Hà)	Làng Chan, xã Ia Pnôn	Năm 2022	Sửa chữa nền, mặt đường và hệ thống thoát nước, L= 593 m	365	350		15	
3	Đường giao thông làng Bua (từ nhà ông Siu Hnon đi suối Ia Kriêng nhỏ)	Làng Bua, xã Ia Pnôn	Năm 2022	L= 828,0 m, Bn=5,0m; Bm=3,0m Mặt đường BTXM đá 2x4 mác 250 dày 16cm; hệ thống thoát nước	1.088	1.045		43	
IX	Xã Ia Lang				2.402	2.362	0	40	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công hoàn thành	Quy mô, năng lực thiết kế dự kiến	Kế hoạch vốn năm 2021 và 2022				Ghi chú
					Tổng số	NSTW	NSDP	Vốn huy động	
1	Trường Mầm non Hoa Sen	Làng Le 1, xã Ia Lang	Năm 2022	Nhà 02 phòng học, S=123,1m ² ; nhà đa chức năng, S=129,6; sân bê tông, S=100m ² ; thiết bị	1.400	1.400			Lồng ghép vốn Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN năm 2023
2	Nhà văn hóa xã	Làng Le 1, xã Ia Lang	Năm 2022	Sân đường bê tông, S= 1.182,0 m ² ; sân lát gạch, S=493,0 m ² ; cổng tường rào, hoa viên	417	400		17	
3	Mương thoát nước làng Gào	Làng Gào, xã Ia Lang	Năm 2022	Mương thoát nước L= 664m	585	562		23	